



TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP
Vinacomin - Minerals Holding Corporation



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020
(Từ 01/01/2020 - 31/12/2020)

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
Trụ sở: 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại: 024 6287 6666

Số fax: 024 6288 3333

Website: www.vimico.vn

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình phát triển
3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2020 - 2025
6. Các rủi ro và quản trị rủi ro

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các Dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2020
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính và những đánh giá về tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị
3. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên đầy đủ: Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP
- Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Minerals Holding Corporation
- Tên rút gọn: Tổng công ty Khoáng sản - TKV
- Tên viết tắt: VIMICO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/4/2018.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000.000 đồng (Hai nghìn tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 193 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
- Số điện thoại: 024 6287 6666
- Số fax: 024 6288 3333
- Website: www.vimico.vn
- Mã cổ phiếu: **KSV**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (tiền thân là Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam) là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1118/QĐ/TCCBDT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

Theo Quyết định số 345/2005/QĐ-TT ngày 26/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển thành công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 27/04/2006, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 12/2006/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước số 0106000168, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 3 ngày 03/05/2007.

Theo Quyết định số 2449/QĐ-HĐQT ngày 8/11/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản Việt Nam được đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

Theo Quyết định số 3169/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương, Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV và đổi tên thành Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103087, đăng ký sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 21/08/2012.

Thực hiện Quyết định số 2388/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt Phương án CPH Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản -

Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 7850/QĐ-BCT ngày 30/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương v/v điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Tổng công ty đã tiến hành CPH và chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 6/10/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 6/10/2015.

Ngày 28/12/2015, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 8010/UBCK-QLPH.

Ngày 09/3/2016, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 16/2016/GCNCP-VSD cho Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Ngày 21/7/2016, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 440/QĐ-SGDHN v/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV trên sàn Upcom với mã chứng khoán KSV, số lượng đăng ký là 200.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.000 tỷ đồng.

Ngày 28/7/2016, tại HNX cổ phiếu của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã chính thức giao dịch trên sàn Upcom.

Ngày 03/8/2018, Hội đồng thành viên TKV đã ban hành Quyết định số 1498/QĐ-TKV v/v phê duyệt quyết toán công tác CPH Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin tại thời điểm chính thức chuyển thành Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (thời điểm ngày 05/10/015).

3. Ngành nghề, sản phẩm và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chính)	2420
2	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
3	Khai thác quặng sắt	0710
4	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
5	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7	Khai khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng	0990
9	Sản xuất than cốc	1910
10	Sản xuất hóa chất cơ bản (không bao gồm hóa chất cấm)	2011
11	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	2012

12	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
13	Đúc kim loại màu	2432
14	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
16	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
17	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
18	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
19	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan (Chi tiết: Sản xuất, gia công vàng trang sức, mỹ nghệ, đá quý, đá bán quý).	3211
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
23	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
24	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
25	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn vàng trang sức, mỹ nghệ, đá quý, đá bán quý)	4649
26	Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng khác	4659
27	Buôn bán kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium)	4662
28	Bán buôn tổng hợp	4690
29	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ vàng trang sức, mỹ nghệ, đá quý, đá bán quý)	4773
30	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
31	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
32	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
33	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
34	Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
35	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
36	Điều hành tour du lịch	7912
37	Giáo dục nghề nghiệp	8532

38	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
39	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710

3.2. Một số sản phẩm chính:

- Tinh quặng đồng 23-25% Cu;
- Đồng tấm 99,90-99,99% Cu;
- Tinh quặng sắt 60-65% Fe;
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄;
- Vàng kim loại 99,90-99,99% Au;
- Bạc kim loại 99,90-99,99% Ag;

**Sản phẩm do Công ty con sản xuất:*

- Kẽm thỏi 99,90-99,95% Zn;
- Thiếc thỏi 99,75-99,95 % Sn;
- Phôi thép CT5, Q235A, SD 295,...;
- Tinh quặng sắt 60-65% Fe;
- Quặng sắt 50-60%;
- Axit sunfuaric hàm lượng 93-98% H₂SO₄;
- Tinh quặng chì 50%Pb

3.3. Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Tổng công ty Khoáng sản - TKV tại một số tỉnh thành trong cả nước, đa số tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn trong đó tập trung ở khu vực Lào Cai, Thái Nguyên, Cao Bằng, ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

4.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm 1.472 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần tương đương 2.000 tỷ đồng bằng 100% vốn điều lệ.

- Hội đồng quản trị: Gồm Chủ tịch và 04 thành viên. Trong đó, có 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 02 thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty.

- Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.

- Ban Giám đốc: 01 Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng

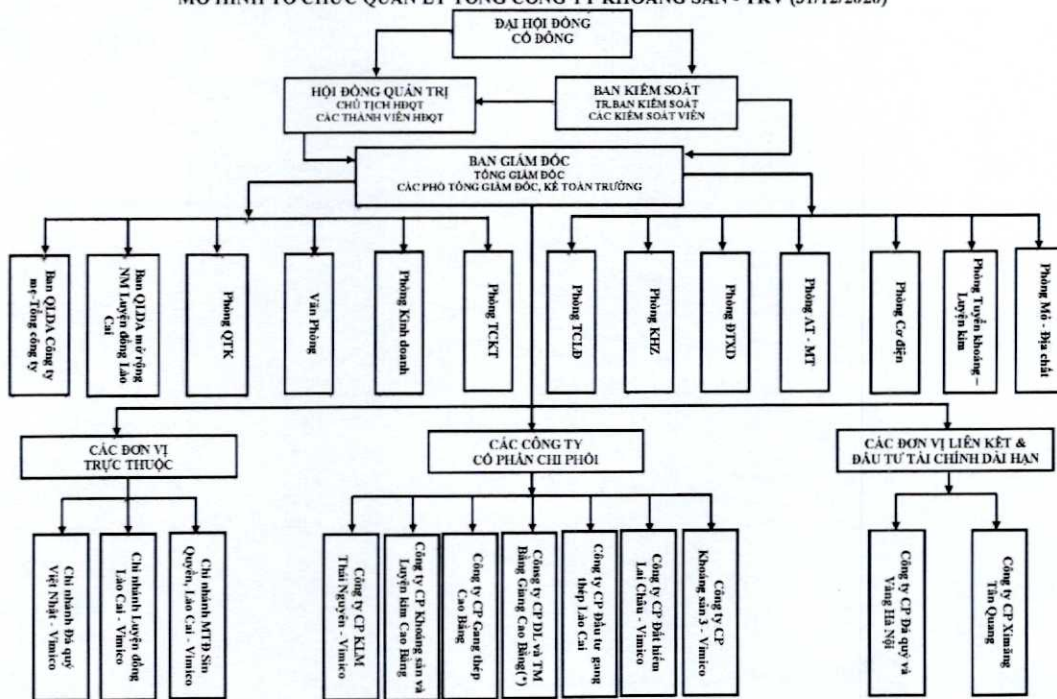
- Phòng, Ban chức năng: 13 Phòng, Ban

- Đơn vị trực thuộc: gồm 03 đơn vị

- Công ty con cổ phần chi phối: 07 đơn vị

- Đơn vị liên kết và đầu tư tài chính dài hạn: 02 đơn vị

MÔ HÌNH TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV (31/12/2020)



4.2. Tổ chức kinh doanh:

VIMICO là Công ty cổ phần được tổ chức sản xuất theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, trong đó khâu sản xuất được thực hiện theo cơ chế khoán chi phí, tiêu thụ sản phẩm tập trung. Một số các sản phẩm chủ yếu do các công ty con sản xuất giao cho Công ty mẹ tiêu thụ theo giá thị trường tại từng thời điểm do hai Bên thỏa thuận bằng hình thức Tổng công ty ký kết hợp đồng mua bán với Công ty con trên cơ sở thống nhất giá mua bán giữa 3 bên: **Tổng công ty - Công ty - Khách hàng** phù hợp với quy chế khoán quản trị chi phí giá thành, giá mua/bán trong Tổng công ty Khoáng sản - TKV (danh mục chi tiết sản phẩm tại mục 3.2). Các công ty con khi tham gia cơ chế phối hợp kinh doanh với Tổng công ty được hưởng các hỗ trợ về an sinh xã hội cho người lao động, về nguồn vốn sản xuất, kinh nghiệm quản lý, về quan hệ khi làm việc với các Bộ, Ban ngành của Nhà nước và địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động sản xuất, được sử dụng các nguồn chi phí tập trung để phát triển tài nguyên, triển khai các dự án môi trường, đào tạo nguồn nhân lực,...theo quy định.

4.3. Bộ máy quản lý:

- Hội đồng quản trị: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2020-2025). Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Ban kiểm soát: Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm (2020-2025). Ban kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Tổng Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty, điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh của nhóm công ty mẹ - công ty con theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là một thành viên trong HĐQT.

- Phó Tổng Giám đốc: Hiện nay có 05 Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc Tổng công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Tổng công ty; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại Tổng công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

4.4. Các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết:

4.4.1. Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Mở tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - VIMICO: Xã Bản Vược, Huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - VIMICO: Khu Công nghiệp Tăng Loỏng, Huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - VIMICO: số 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

4.4.2. Các công ty con:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn góp của Tổng công ty
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Tổ 6, P.Phú Xá, TP Thái Nguyên,	180.000	51,00%	91.800
2	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	Kim Đồng, Hợp Giang, Cao Bằng	80.000	51,89%	41.509
3	CTCP Gang thép Cao Bằng	Khai thác và chế biến khoáng sản	Km5, Đề Thám, TP Cao Bằng	430.064	52,54%	225.954
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	Khách sạn và vận tải hành khách	001 Kim Đồng, Hợp Giang, Cao Bằng	18.000	51,31%	9.235
5	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Tổ 30, P.Duyên Hải, TP Lào Cai	35.000	51,00%	17.850
6	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai - Vimico	Chế biến khoáng sản	Tân Hồng, Bản Qua, Bát Xát, Lào Cai	300000	99,01%	35.455
7	CTCP Đất hiếm Lai Châu-Vimico	Khai thác và chế biến khoáng sản	Thị trấn Tam Đường, H.Tam Đường, Lai Châu	350.000	55,00%	135.112

4.4.3. Các công ty liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công ty con	Lĩnh vực hoạt động chủ yếu	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn thực góp
1	CTCP Đá Quý và Vàng Hà Nội	Kinh doanh vàng bạc, đá quý	91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	18.000	48,31%	8.696
2	CTCP Xi măng Tân Quang	Sản xuất Xi măng	Xóm 5, xã Trảng Đà, TP Tuyên Quang	350.000	13,71%	48.000

5. Định hướng phát triển của Tổng công ty Khoáng sản - TKV giai đoạn 2020-2025:

5.1. Mục tiêu phát triển:

Phát triển Tổng công ty trở thành doanh nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản kim loại màu hàng đầu Việt Nam; năng động, sáng tạo và có năng lực cạnh tranh cao, có tiềm lực tài chính tốt, SXKD hiệu quả, phát triển bền vững.

5.1.1. Định hướng mô hình tăng trưởng:

Từ quan điểm và mục tiêu nêu trên, mô hình tăng trưởng của Tổng công ty

trong thời gian tới được xác định là: “*Phát triển ngành khoáng sản đồng bộ, tiên tiến, hiện đại với tốc độ tăng trưởng cao trên cơ sở đi đôi với phát triển theo chiều rộng tăng cường phát triển theo chiều sâu bằng cách áp dụng công nghệ mới tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và hiệu quả cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường*” với các định hướng như sau:

- Tập trung khai thác và chế biến sâu các loại khoáng sản có trữ lượng lớn, chất lượng tốt mà trọng tâm là quặng đồng, quặng sắt, quặng kẽm, đất hiếm và quặng titan. Mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở luyện kim hiện có, xây dựng một số cơ sở luyện kim mới với công nghệ hiện đại bên cạnh các mỏ khoáng sản công suất lớn hoặc tại các vùng tập trung các mỏ khoáng sản.

- Hình thành các tổ hợp hoặc trung tâm khai thác mỏ kim loại - luyện kim đồng bộ, công nghệ tiên tiến, hiện đại bao gồm cả công nghiệp phụ trợ có quy mô phù hợp với quy mô trữ lượng khoáng sản của từng cụm mỏ, vùng mỏ hoặc khu vực, nhất là ở vùng Việt Bắc, Tây Bắc.

5.1.2. Định hướng phát triển:

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là các sản phẩm đồng, sắt, kẽm, thiếc, các sản phẩm từ đất hiếm; ...

- Quan tâm phát triển ở quy mô hợp lý một số ngành, lĩnh vực liên quan đến ngành sản xuất chính như xây lắp công trình công nghiệp mỏ, tuyển, luyện kim; gia công, chế tạo các sản phẩm cơ khí (chi tiết, cụm chi tiết, sản phẩm đồng bộ); sửa chữa trung, đại tu ô tô, thiết bị khai thác mỏ, thiết bị tuyển, luyện kim và các thiết bị cơ khí, động lực khác phục vụ hoạt động sản xuất chính; sản xuất các mặt hàng công nghiệp, dân dụng, hóa chất từ khoáng sản, kim loại; gia công chế tác sản xuất hàng trang sức, mỹ nghệ từ sản phẩm khoáng sản và kim loại...

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phân đầu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế về các nguyên liệu khoáng và sản phẩm kim loại, nhất là các kim loại màu.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh lại cơ cấu vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn.

5.1.3. Chiến lược phát triển:

Trên cơ sở định vị phương hướng và mục tiêu phát triển, Tổng công ty thực hiện các biện pháp cụ thể bao gồm:

a. Phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu

- Thực hiện mục tiêu chiến lược xuyên suốt của Vimico trong toàn Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam là “*Từ tài nguyên khoáng sản và nguồn*”

nhân lực đi lên giàu mạnh". Đến năm 2020, Vimico đã phối hợp với đơn vị tư vấn lập xong "Báo cáo đánh giá tổng thể trữ lượng, tài nguyên và định hướng thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản đồng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Trong năm 2020, mỏ đồng Sin Quyền, Bát Xát, Lào Cai đã được phê duyệt trữ lượng tăng thêm 172.700 tấn Cu và 10,3 tấn Au.

Hiện tại, đang tập trung nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển khu vực khoáng sản thuộc TKV đến năm 2030, tầm nhìn 2050 cho từng loại khoáng sản như: đồng, kẽm - chì, sắt, thiếc và đất hiếm phù hợp với quy hoạch của Nhà nước và địa phương.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thăm dò bổ sung, nâng cấp trữ lượng, đánh giá tiềm năng khoáng sản ở các mỏ đang quản lý và phát triển mỏ mới. Tập trung tối đa các nguồn lực, đầu tư cho công tác khảo sát, thăm dò khoáng sản chính (đồng, kẽm), nhằm chuẩn bị đủ nguồn nguyên liệu cho các dự án trọng điểm của Vimico giai đoạn 2025 -2030. Mục tiêu sau năm 2021 dự kiến công suất đồng tầm đạt 30.000 tấn/năm, kẽm thối đạt 15.000 tấn/năm.

- Điều phối, sử dụng hợp lý các nguồn lực về tài nguyên, thiết bị khai thác để tổ chức SXKD hoạt động khoáng sản đạt hiệu quả cao nhất.

b. Phát triển công nghệ (khai thác - tuyển khoáng - luyện kim)

Triển khai toàn diện công tác quản lý kỹ thuật mỏ - địa chất gắn với thực hiện Thông tư 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản trị tài nguyên. Tăng cường kiểm soát các mặt quản lý hoạt động khoáng sản và tài nguyên nước, đảm bảo không vi phạm Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ. Tăng cường quản lý tài nguyên, khai thác triệt để các loại quặng nghèo và quản lý chặt chẽ ranh giới mỏ, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo trong khai thác. Thực hiện đảm bảo chỉ tiêu hệ số bóc và các thông số kỹ thuật khai trường bằng cách:

- Đầu tư và khai thác hiệu quả dây chuyền thiết bị khai thác mỏ của Dự án gồm các tổ hợp thiết bị khoan nổ mìn - xúc bốc - vận tải.

- Triển khai các giải pháp kỹ thuật về khoan nổ mìn - xúc bốc để nâng cao chất lượng quặng, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo quặng trong khai thác, khai thác triệt để tài nguyên quặng nghèo.

- Đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến trong khai thác hầm lò để thu hồi tối đa khoáng sản có ích giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo quặng trong khai thác hầm lò, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do quá trình khai thác gây ra.

- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư nâng cấp, hoàn thiện công nghệ và thiết bị tuyển khoáng hiện tại; đầu tư bổ sung công nghệ để có thể thu hồi triệt để các khoáng vật đi kèm, nâng cao thực thu và chất lượng sản phẩm; nghiên cứu giải pháp giảm chi phí; Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và nâng cấp các phòng phân tích tại các cơ sở sản xuất của Tổng công ty; Đầu tư xây dựng mới 01 phòng KCS đạt tiêu chuẩn VILAS tại khu vực Lào Cai. Bổ sung nhân lực có chất lượng cho đội ngũ CBCNV làm công

tác KCS hiện nay.

- Hoàn thành Dự án đầu tư mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai – Vimico giúp tăng công suất gấp 3 lần hiện nay (từ 10.000 tấn/năm lên 30.000 tấn/năm) từ việc đầu tư thêm một nhà máy mới công suất 20.000 tấn/năm với nhiều cải tiến công nghệ tiên tiến và tính năng kỹ thuật công nghệ vượt trội hơn, chi phí giảm so với nhà máy hiện tại, chất lượng sản phẩm đồng cao tốt đạt tiêu chuẩn LME. Đối với nhà máy gang thép Cao Bằng, tiếp tục duy trì sản lượng phôi thép đạt và vượt công suất thiết kế 220.000 tấn/năm, thu hồi khí than để sản xuất vôi, tận thu kim loại sắt trong xỉ lò luyện, tăng cường phun than antraxit tại lò cao, nâng cao chất lượng nguyên liệu và vận hành để giảm tiêu hao than cốc và các chi phí, nâng cao hiệu quả. Đẩy mạnh cải tạo nâng cao chất lượng sản phẩm nhà máy kềm điện phân Thái Nguyên cùng với việc cải tiến công nghệ hòa tách từ thủy luyện toàn phần sang công nghệ bán thủy luyện để nâng cao thực thu, giảm bã thải, thu hồi khoáng vật có ích, cải thiện tốt môi trường.

c. Chiến lược phát triển công tác cơ điện:

- Chú trọng công tác quản lý kỹ thuật, nâng cao năng lực thiết bị huy động vào sản xuất. Đồng thời, đẩy mạnh triển khai áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật trong hoán cải/đầu tư mới thiết bị góp phần tăng cường năng suất thiết bị.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kéo dài thời gian thời gian hoạt động của thiết bị, thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật trong Phương án giãn chu kỳ sửa chữa trung, đại tu thiết bị/dây chuyền thiết bị.

- Tăng cường công tác tự gia công, chế tạo phục hồi và sử dụng phụ tùng vật tư trong nước thay thế vật tư nhập khẩu nhằm tiết giảm chi phí tiêu hao vật tư, phụ tùng, nâng cao hiệu quả SXKD; Phát triển nguồn nhân lực sửa chữa máy móc thiết bị và tăng cường đào tạo, tuyển dụng thợ sửa chữa có tay nghề cao.

- Từng bước đẩy mạnh ứng dụng THH, TĐH trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng thời đại CMCN 4.0; Xây dựng chương trình phát triển ứng dụng THH, TĐH của Tổng công ty với tầm nhìn đến 2030, góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành, tác nghiệp của Tổng công ty; Chú trọng thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa đối với công đoạn khai thác hầm lò.

d. Nâng cao năng lực quản lý:

- Công tác kế toán thống kê:

+ Tiếp tục thực hiện Chế độ kế toán doanh nghiệp của Việt Nam.

+ Mô hình kế toán: Phân tán kết hợp tập trung tùy thuộc quy mô và đặc thù của từng đơn vị. Đối với CTCP - Công ty mẹ, thực hiện hạch toán phụ thuộc tại các chi nhánh, tổng hợp kết quả SXKD toàn Tổng công ty. Vốn kinh doanh hạch toán tập trung tại Văn phòng Tổng công ty, các chi nhánh được giao quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản và nhận nợ với Văn phòng Tổng công ty.

+ Triển khai ứng dụng CNTT để phục vụ tổng hợp quyết toán toàn Tổng công ty và hợp nhất báo cáo quyết toán, trên cơ sở đó, phát triển ứng dụng vào công tác

thống kê và khoán, quản trị chi phí.

- Công tác tài chính:

+ Tiếp tục tập trung dòng tiền bán hàng trên cơ sở áp dụng mô hình tiêu thụ tập trung tại Công ty mẹ (Công ty cổ phần) thông qua Hợp đồng phối hợp kinh doanh hàng năm. Duy trì việc Công ty mẹ - Công ty CP thu xếp vốn lưu động bằng việc thanh toán/ứng tiền để các đơn vị sản xuất và sau đó giao nộp sản phẩm. Vốn đầu tư thu xếp tập trung tại Công ty mẹ - Tổng công ty, các chi nhánh thực hiện khi có phân cấp, uỷ quyền của Công ty mẹ - Tổng công ty.

+ Tái cấu trúc các khoản vay theo biến động của thị trường và sử dụng linh hoạt các sản phẩm dịch vụ tài chính của các tổ chức tín dụng nhằm giảm thiểu chi phí tài chính hàng năm, tiết kiệm chi phí đầu tư.

e. Nâng cao nguồn nhân lực:

Theo chiến lược phát triển và để đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty, mục tiêu và yêu cầu về đổi mới cơ cấu và nâng cao chất lượng lao động của Tổng công ty như sau:

- Mục tiêu và yêu cầu về cơ cấu lao động:

+ Mục tiêu lao động quản lý của toàn Tổng công ty đến hết năm 2025 không quá 13,8% so với tổng số lao động.

+ Kiểm soát và có chính sách hợp lý về cơ cấu ngành nghề để ổn định và phát triển về cả số lượng và chất lượng phù hợp với quy mô phát triển từng năm của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật các ngành nghề; lao động kỹ thuật của các ngành chủ lực của Tổng công ty như luyện kim, chế tác kim loại, tuyển khoáng, khai thác mỏ, kỹ thuật sửa chữa các thiết bị cơ điện.

- Yêu cầu về kỹ năng, trình độ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật:

+ Yêu cầu đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật: Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật của Tổng công ty phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ; có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ lý luận chính trị và trình độ quản lý doanh nghiệp. Ngoài ra, cần phải có kinh nghiệm thực tế tại các cơ sở sản xuất trong Tổng công ty và có kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo.

+ Yêu cầu đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật (CNKT): Đội ngũ CNKT phải được đào tạo bài bản tại các hệ thống trường đào tạo CNKT của Nhà nước và các trường đào tạo trong hệ thống đào tạo của TKV. Một số đối tượng lao động có yêu cầu cao cần được đào tạo bổ sung thực tế tại các cơ sở sản xuất trong và/hoặc ngoài nước để nâng cao tay nghề và kinh nghiệm trước khi đưa vào sản xuất. Lao động kỹ thuật phải nắm vững cơ sở lý thuyết và khả năng thực hiện các công việc thực tế cao, thuần thục các kỹ thuật công nghệ hiện đang được sử dụng trong sản xuất và phát triển trong những năm tới của Tổng công ty.

- Đối với công tác tổ chức, quản lý: Xây dựng và thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025, theo đó, tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp SXKD ngoài ngành nghề chính của Tổng công ty, các công ty kém hiệu quả nhiều

năm liền; sắp xếp lại tổ chức tại các đơn vị thành viên, giảm các đầu mối quản lý trung gian để đổi mới cơ cấu lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp, nâng cao hiệu quả điều hành. Đồng thời, tiếp tục tái cơ cấu các mặt quản trị nội bộ của Tổng công ty. Tiếp tục rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị đặc biệt là tại một số đơn vị có số lao động lớn, cơ cấu lao động phức tạp. Triển khai đánh giá hiệu quả công việc người lao động bằng công cụ KPI làm cơ sở trả lương, thưởng cho người lao động.

- Đối với công tác tuyển dụng và quản lý sử dụng lao động: Thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng lao động theo Quy chế tuyển dụng và sử dụng Người lao động Tổng công ty Khoáng sản – TKV. Tiếp nhận, sử dụng, bố trí lao động đúng ngành nghề đào tạo để phát huy sở trường và kinh nghiệm làm việc. Tạo những cơ hội tốt về thu nhập và khả năng phát triển. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động. Cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, tay nghề cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, đối tượng lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị...

- Đối với công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Triển khai đánh giá hiệu quả công việc (theo KPI) các vị trí tại Cơ quan Tổng công ty làm cơ sở để nhận xét, đánh giá, xếp loại, quy hoạch, sắp xếp cán bộ, từ đó nhân rộng tới các đơn vị thành viên. Hàng năm xây dựng chương trình Đào tạo cho CBQL, CMNV và CNKT đáp ứng yêu cầu sử dụng, nâng cao kỹ năng làm việc của CNV và đội ngũ CNKT trong Tổng công ty. Có kế hoạch luân chuyển để đào tạo nâng cao năng lực quản lý trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ ở đơn vị sản xuất trực tiếp. Đào tạo đủ số lượng và đảm bảo chất lượng nhằm cung cấp lao động cho các dự án của Tổng công ty hoàn thành và đi vào sản xuất giai đoạn 2021-2025, trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động, chú trọng và ưu tiên sử dụng lao động địa phương.

6. Các rủi ro và quản trị rủi ro:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Tổng công ty Khoáng sản - TKV chịu tác động của những rủi ro sau:

6.1. Rủi ro bên ngoài:

6.1.1. Rủi ro về kinh tế:

- Tổng công ty có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông qua, sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ (USD, CNY..) Do đó, bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, tạo nên sức cầu quan trọng đối với ngành khoáng sản. Tuy nhiên, các mặt hàng của Việt Nam chiếm một tỷ trọng nhỏ so với thế giới, do đó giá bán của các sản phẩm này phụ thuộc nhiều vào mặt bằng chung của thế giới. Nên, khi nền kinh tế toàn cầu suy thoái, giá bán các sản phẩm khoáng sản giảm, dẫn đến ảnh hưởng trực tiếp và

manh mẽ đến sự phát triển của Tổng công ty

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế, Tổng công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế, để từ đó lập kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với yêu cầu tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng công ty còn thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí nhằm gia tăng lợi nhuận của các lĩnh vực kinh doanh truyền thống và một số lĩnh vực kinh doanh khác.

- Lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Tổng công ty luôn phải theo dõi và cập nhật hàng ngày để đưa ra chiến lược đầu tư hợp lý. Khi lãi suất tăng đồng thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD của các doanh nghiệp. Chính vì vậy, khi lãi suất biến động sẽ có ảnh hưởng nhất định đến tình hình hoạt động của Tổng công ty.

Để quản trị rủi ro về lãi suất, hạn chế tối đa tác động của lãi suất lên hoạt động SXKD, Tổng công ty áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vay vốn từ Ngân hàng, sử dụng linh hoạt các sản phẩm tín dụng và thay bằng các nguồn khác có chi phí thấp hơn.

6.1.2. Rủi ro pháp lý:

- Hệ thống pháp luật của nước ta liên quan đến hoạt động kinh doanh và khai thác khoáng sản còn chưa đồng bộ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Các chính sách của Chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Nhà nước thu tiền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác, ký quỹ, đầu tư... và các loại thuế, phí tăng cao đã và đang làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó, thời hạn khai thác các mỏ của Vimico phụ thuộc vào chính sách quản lý, khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp phép khai thác mỏ thường kéo dài và là một rủi ro trong hoạt động của Tổng công ty.

6.2. Rủi ro nội tại doanh nghiệp:

6.2.1. Rủi ro về đất đai:

Hiện nay VIMICO đang được Nhà nước giao quản lý, sử dụng diện tích đất hơn 4,2 triệu m² trải rộng trên nhiều địa phương: Lào Cai, Thái Nguyên, Hà Nội và đang thực hiện các thủ tục để thuê đất với diện tích hơn 5,4 triệu m² chủ yếu trên địa bàn Lào Cai để phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh. Việc quản lý, sử dụng và xin cấp mới những diện tích đất trên có thể phát sinh những rủi ro, khó khăn không lường trước được như:

- Rủi ro trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng: Đây là công tác phức tạp và có thể phát sinh nhiều vướng mắc làm chậm tiến độ giải phóng mặt bằng gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án cũng như công tác sản xuất của VIMICO.

- Chính sách về quản lý đất đai: Thường xuyên có những biến động, việc cập

nhật và áp dụng các chính sách về đất đai có thể phát sinh các chi phí làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, đầu tư: tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

6.2.2. *Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên:*

Ngành khoáng sản có đặc thù là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm (sunk cost) sẽ là rất lớn. Mặc dù các công ty khai khoáng đều thực hiện những nghiên cứu, khảo sát và đánh giá về điều kiện địa chất mỏ. Tuy nhiên, những nghiên cứu này không thể lường trước hết những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá không chính xác về địa chất và về trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của Vimico.

6.2.3. *Rủi ro đặc thù khai thác, chế biến:*

Trong quá trình khai thác, ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải, phế thải độc hại và do hoạt động trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường... dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động hoặc thậm chí bị rút giấy phép khai thác mỏ.

6.2.4. *Rủi ro về tiêu thụ sản phẩm:*

Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty được xây dựng dựa vào một phân công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trong năm tới. Do đó, giá cả của các sản phẩm như: đồng, vàng, bạc, kẽm thỏi, phôi thép, tinh quặng sắt... đều chịu áp lực do biến động giá cả của thị trường trong nước và thế giới. Vì vậy, mọi chính sách kinh tế, đối ngoại đều có tác động đến giá thành sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Các chỉ tiêu về giá trị:

- **Tổng doanh thu hợp nhất toàn TCT:** 6.222 tỷ đồng, bằng 103,98% KH điều chỉnh và bằng 100,33% cùng kỳ năm trước (Trong đó: Doanh thu khoáng sản các SP Công ty mẹ: 3.025,63 tỷ đồng/ 2.799,771 tỷ đồng KH điều chỉnh, bằng 108,07% KH điều chỉnh).

- **Lợi nhuận trước thuế:** 243,086 tỷ đồng (trong đó: Cty mẹ - Tcty 198,091 tỷ đồng).

- **Nộp ngân sách:** 1.033,87 tỷ đồng.

- **Tổng số lao động:** 4.310 người, đạt 89,57 % KH năm và bằng 96,79 % so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty: 1.850 người.

- **Thu nhập BQ:** 10,9 triệu đồng/người/tháng, bằng 112,67 % KH năm và

bằng 118,11% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty: 13,8 triệu đồng/người/tháng.

1.2. Các chỉ tiêu về sản lượng sản xuất - tiêu thụ

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	KHĐC 2020	TH 2020	SS TH 2020 VỚI (%)	
					CK 2019	KHĐC2020
A	B	C	1	2	3	4=2/1
I	Sản xuất Công ty mẹ					
1	TQ đồng 25%Cu	Tấn	68.546	68.703	100,33	100,23
2	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	12.500	13.168	105,34	105,34
3	Tinh quặng sắt (60%Fe)	Tấn	97.287	107.955	100,61	110,97
4	Axit Sunfuric	Tấn	45.000	45.597	102,04	101,33
5	Vàng thỏi	Kg	538	559	103,63	103,99
6	Bạc	Kg	520	555	111,06	106,79
II	Tiêu thụ					
II.1	Sản phẩm Công ty mẹ					
1	Tinh quặng đồng (VIMICO) 25%Cu	Tấn	4.735	4.735	27,18	100,01
2	Đồng tấm Ka tốt	Tấn	12.500	13.791	113,77	110,33
3	Tinh quặng sắt (60%Fe)	Tấn	100.000	122.498	118,46	122,50
4	Axit Sunfuric	Tấn	44.000	42.496	98,35	96,58
5	Vàng	Kg	528	553	101,95	104,72
6	Bạc	Kg	515	462	86,33	89,69
II.2	Sản phẩm nội bộ					
1	Phôi thép GTCB	Tấn	220.000	217.909	95,00	99,05

1.3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19 trở thành đại dịch toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng cung ứng vật tư phục vụ sản xuất và tình hình sản xuất kinh doanh của toàn bộ các đơn vị cũng như tiến độ thực hiện đầu tư các dự án. Các đơn vị hoạt động kinh doanh thương mại dịch vụ bị ảnh hưởng lớn bởi đại dịch nên hiệu quả SXKD đạt thấp. Đối với các nhà máy sản xuất đồng tấm; thiếc thỏi; kẽm thỏi; phôi thép do giá kim loại 6 tháng đầu năm thấp so với kế hoạch năm; Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy Luyện không thể thực hiện đúng tiến độ khiến sản lượng sản xuất giảm (đồng tấm từ 17.000 tấn xuống 13.168 tấn); sản lượng tiêu thụ giảm (đồng tấm, phôi thép,...) dẫn đến doanh thu giảm tương ứng.

- Công tác đền bù giải phóng mặt bằng chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án (mỏ Vi Kẽm) và ảnh hưởng đến phương hướng công trường, giá thành sản xuất (mỏ Sin Quyền,); Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ giảm do chủ yếu là khai thác tận thu, nạo vét (các mỏ thiếc); Chi phí đền bù lớn, giá thành sản xuất cao hơn nhiều so với giá bán nên chưa triển khai hoặc phải dừng khai thác (khu Bắc mỏ sắt Nà Rạ; mỏ sắt Nà Lũng...) làm thiếu nguồn nguyên liệu cung cấp cho sản xuất.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Hội đồng quản trị:

2.1.1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT

+ Năm sinh: 1968

+ Trình độ: Kỹ sư Khai thác mỏ;

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Hải bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1998; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc Phân xưởng, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản), Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Khoáng sản. Ông Nguyễn Văn Hải được bầu giữ chức vụ Thành viên chuyên trách HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV từ tháng 10/2015; ngày 15/5/2019 được bầu làm Chủ tịch HĐQT thay ông Vũ Văn Long; ngày 25/3/2020 tiếp tục được bầu làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học MT - Vinacomin; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đồng Tà Phời - Vinacomin; Chủ tịch Công ty TNHH Vinacomin - Lào; Chủ tịch Công ty liên doanh Alumina (Campuchia-Việt Nam).

2.1.2. Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Kỹ sư điện khí hóa - Cung cấp điện

+ Quá trình công tác: Ông Trịnh Văn Tuệ bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1992; từng giữ các chức vụ Đốc công, Phó Quản đốc/Quản đốc Công ty Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai; Phó Giám đốc/Giám đốc Công ty Luyện đồng Lào Cai (02 đơn vị trực thuộc Tổng công ty Khoáng sản); Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 8/2015; Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020 từ tháng 9/2016. Ngày 16/3/2018, ông Tuệ được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Ngày 25/3/2020, ông Tuệ tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

2.1.3. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên chuyên trách HĐQT:

+ Năm sinh: 1967

+ Trình độ: Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên, Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Đặng Đức Hưng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2007; từng giữ các chức vụ Phó phòng/Trưởng phòng Mỏ địa chất Tổng công ty. Ông Đặng Đức Hưng được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 11/2015. Ngày 16/3/2018, ông Hưng được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Ngày 25/3/2025, ông Hưng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; ngày 02/4/2020, ông Đặng Đức Hưng được thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc để giao nhiệm vụ Thành viên HĐQT chuyên trách nhiệm kỳ 2020-2025.

2.1.4. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

+ Năm sinh: 1973

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: Ông Ngô Quốc Trung bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2010; từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản từ 2010 đến 2018; Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ông Trung được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV từ tháng 7/2018 đến nay. Ngày 25/3/2020 tiếp tục được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản 3, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đất hiếm Lai Châu - Vimico.

2.1.5. Ông Bùi Tiến Hải - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc:

+ Năm sinh: 1976

+ Trình độ: Thạc sỹ Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Bùi Tiến Hải bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2008, từng giữ chức vụ Phó phòng Tuyển khoáng Tổng công ty Khoáng sản; từ tháng 6/2014-4/2019 là Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty CP Kim loại màu Thái Nguyên kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV KLM Bắc Kạn, kiêm Bí thư Đảng ủy Công ty (8/2015). Ông Bùi Tiến Hải được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 5/2019 đến nay. Ngày 25/3/2020, ông Hải được bầu là Thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Gang thép Cao Bằng, Chủ tịch HĐQT CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

2.2. Ban Kiểm soát: Gồm Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và 02 Kiểm soát viên.

2.2.1. Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát:

+ Năm sinh: 1972

+ Trình độ: Cử nhân Tài chính kế toán

+ Quá trình công tác: Ông Lương Văn Lĩnh bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009, từng giữ chức vụ Phó phòng Tài chính kế toán Tổng công ty; Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ông Lương Văn Lĩnh tiếp tục được bầu giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025

2.2.2. Ông Phạm Xuân Phong - Thành viên Ban kiểm soát

+ Năm sinh: 1964

+ Trình độ: Cử nhân Kinh tế

+ Quá trình công tác: hiện là Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam. Ông Phạm Xuân Phong đã từng giữ chức

vụ Trưởng phòng Kế toán tổng hợp Ban Kế toán - Tập đoàn TKV, thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ông Phạm Xuân Phong tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/3/2020.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Miền Trung - TKV; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Thiết Bị Điện Cẩm Phả; Ủy viên Ban Kiểm soát CTCP Cơ Khí Hòn Gai - Vinacomin;

2.2.3. Ông Nguyễn Nam Hưng - Thành viên Ban Kiểm soát:

+ Năm sinh: 1978

+ Trình độ: Kỹ sư cơ điện

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Nam Hưng bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2007; từng giữ các chức vụ Phó Trưởng ban QLDA MRNCS Nhà máy luyện đồng, Phó trưởng phòng Cơ điện Tổng công ty. Từ tháng 02/2019 đến nay giữ chức vụ Trưởng phòng Cơ điện Tổng công ty. Ông Nguyễn Nam Hưng được bầu là Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2020-2025 từ ngày 25/3/2020.

2.3. Ban Giám đốc: Gồm Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

2.3.1. Ông Trịnh Văn Tuệ - Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT

2.3.2. Ông Đào Minh Sơn - Phó Tổng Giám đốc:

+ Năm sinh: 1963

+ Trình độ: Kỹ sư máy và thiết bị mỏ

+ Quá trình công tác: Ông Đào Minh Sơn bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1987; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc XN Thiếc Bắc Lũng - Tuyên Quang, Đốc công, Phó Giám đốc, Giám đốc XN liên doanh đồng Lào Cai, Phó Ban QLDA Tổ hợp đồng Sin Quyền, Phó Phòng/Trưởng phòng Cơ điện, Trưởng phòng TCCB&ĐT Tổng công ty Khoáng sản. Ông Đào Minh Sơn được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 8/2015. Ngày 06/10/2020 được bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

+ Chức vụ tại đơn vị khác: Chủ tịch HĐQT CTCP KLM Thái Nguyên-Vimico.

2.3.3. Ông Bùi Tiến Hải - Phó Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT

2.3.4. Ông Ngô Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc: Đã thông tin tại mục HĐQT

2.3.5. Ông Lý Xuân Tuyên - Phó Tổng giám đốc

+ Năm sinh: 1980

+ Trình độ: Kỹ sư Tuyển khoáng

+ Quá trình công tác: Ông Lý Xuân Tuyên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty

Khoáng sản từ năm 2005; Từ tháng 07/2009 đến tháng 05/2010 Quản đốc PX Tuyển khoáng kiêm Phó chủ tịch Công đoàn Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Tháng 8/2013 đến 11/2019: Giám đốc Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai – Vimico. Ông Lý Xuân Tuyên được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ ngày 05/11/2019.

2.3.6. Ông Lê Tuấn Ngọc

+ Năm sinh: 1970

+ Trình độ: Thạc sĩ kinh tế QTKD; Kỹ sư Khai thác mỏ

+ Quá trình công tác: Ông Lê Tuấn Ngọc bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2001; Từ tháng 10/2011-3/2012 Phó phòng, Phụ trách phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản-Vinacomin; Tháng 4/2012 – 22/02/2021: Trưởng phòng Mỏ - Địa chất Tổng công ty Khoáng sản-TKV, Bí thư Chi bộ Mỏ địa chất – An toàn môi trường. Ông Lê Tuấn Ngọc được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản từ ngày 23/02/2021.

2.3.7. Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng:

+ Năm sinh: 1981

+ Trình độ: Kỹ sư Kế toán doanh nghiệp

+ Quá trình công tác: Ông Nguyễn Văn Viên bắt đầu làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 2009; từng giữ các chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Ông Nguyễn Văn Viên được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tổng công ty Khoáng sản từ tháng 7/2018.

*** Năm 2020, Vimico có sự thay đổi trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:**

- Ngày 25/3/2020 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu ra 05 Thành viên HĐQT và 03 Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2020-2025 gồm:

*** Thành viên Hội đồng quản trị gồm các ông có tên sau:**

- Ông: Nguyễn Văn Hải
- Ông: Trịnh Văn Tuệ
- Ông: Đặng Đức Hưng
- Ông: Ngô Quốc Trung
- Ông: Bùi Tiến Hải

2. Kiểm soát viên Ban kiểm soát gồm các ông có tên sau:

- Ông: Lương Văn Lĩnh
- Ông: Phạm Xuân Phong
- Ông: Nguyễn Nam Hưng

Ông Nguyễn Văn Hải được bầu làm Chủ tịch HĐQT và ông Lương Văn Lĩnh được bầu là Trưởng Ban kiểm soát.

Ngày 02/4/2020, ông Đặng Đức Hưng thôi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc để thực hiện nhiệm vụ Thành viên HĐQT chuyên trách nhiệm kỳ 2020-2025.

2.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cán bộ quản lý:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ		Tỷ lệ % (tổng số CP)
			Ủy quyền	Sở hữu	
I	Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch HĐQT	196.117.900	10.000	98,0639
2	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	0	15.200	0,00760
3	Đặng Đức Hưng	Thành viên chuyên trách HĐQT	0	3.000	0,00150
4	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó TGD	0	5.100	0,00250
5	Bùi Tiến Hải	Thành viên HĐQT, Phó TGD	0	5.000	0,00250
II	Ban kiểm soát				
1	Lương Văn Lĩnh	Trưởng Ban kiểm soát	0	1.000	0,00050
2	Phạm Xuân Phong	Kiểm soát viên	0	0	0
3	Nguyễn Nam Hưng	Kiểm soát viên	0	1.000	0,00050
III	Ban Điều hành				
1	Trịnh Văn Tuệ	Thành viên HĐQT, TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
2	Đào Minh Sơn	Phó TGD	0	13.400	0,00670
3	Bùi Tiến Hải	TV. HĐQT, PTGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
4	Ngô Quốc Trung	Thành viên HĐQT, Phó TGD	Đã nêu tại Mục I Biểu này		
5	Lý Xuân Tuyên	Phó TGD	0	18.000	0,00900
6	Lê Tuấn Ngọc	Phó TGD	0	2.900	0,00145
7	Nguyễn Văn Viên	Kế toán trưởng	0	800	0,00040

2.5. Số lượng CBCNV, chính sách và thay đổi chính sách đối với NLD:

2.5.1. Số lượng CBCNV:

Tại thời điểm 31/12/2020, tổng số CBCNV toàn Tổng công ty (bao gồm các Công ty con) là 4.167 người. Tổng số lao động trong khối Công ty mẹ - Tổng công ty là 1.812 người. Cơ cấu, chất lượng lao động như sau:

- Theo giới tính: nam 3.243 người chiếm 77,83%; nữ 924 người chiếm 22,17% (trong đó khối Công ty mẹ: nam 1.442 người chiếm 79,58%; nữ 370 người chiếm 20,42%)

- Theo trình độ: Tiến sỹ, thạc sỹ 52 người 1,25%; Kỹ sư, cử nhân 862 người chiếm 20,69%; Cao đẳng 225 người chiếm 5,40%; Trung cấp 901 người chiếm 21,62%; CNKT 2.127 người chiếm 51,04% (Trong đó Công ty mẹ: Tiến sỹ, thạc sỹ 29 người chiếm 1,60%; Kỹ sư, cử nhân 411 người chiếm 22,68%; Cao đẳng 128 người chiếm 7,06%; Trung cấp 286 người chiếm 15,78%; CNKT 958 người chiếm 52,87%).

2.5.2. Chính sách đối với lao động:

Tổng công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động, đồng thời tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Các chính sách, chế độ đãi ngộ với người lao động đang được thực hiện tại Vimico như sau:

- Được xếp lương, nâng bậc, nâng ngạch theo đúng quy định; được tham gia BHXH, BHYT, ... và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước; được hưởng các chế độ trợ cấp khi nghỉ việc theo đúng quy định (trợ cấp thôi việc, mất việc làm).

- Được thực hiện đầy đủ chế độ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi (nghỉ phép, nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ tết, nghỉ việc riêng hoặc làm thêm giờ...).

- Được xem xét, đề nghị các cấp khen thưởng khi có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc có thành tích đột xuất.

- Được xem xét cử tham gia các lớp bồi dưỡng, khóa tập huấn, đào tạo, hội thảo theo yêu cầu công việc nhằm nâng cao khả năng quản trị kinh doanh, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị.

- Được đảm bảo việc làm và tạo cơ hội thăng tiến, phát triển sự nghiệp.

- Được tham gia các tổ chức Đoàn thể của Vimico

- Được cấp phát đồng phục, trang bị phương tiện làm việc.

- Được tổ chức Công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần: khám chữa bệnh định kỳ, thăm quan nghỉ mát, thăm hỏi khi ốm đau, hiếu hỷ,...

- Được hưởng các quyền lợi khác: mua cổ phần, cổ phiếu,... theo quy định của pháp luật.

- Đối với người lao động tay nghề cao được hưởng chính sách bảo hiểm nhân thọ theo quy định của Tổng công ty.

- Được tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể quần chúng giúp đỡ, tạo điều kiện phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng nếu có nguyện vọng.

2.5.3. Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Ngày 06/4/2020, Hội đồng quản trị ban hành Hệ thống thang bảng lương của Tổng công ty.

- Hàng năm tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn cho CBCNV nhằm nâng cao trình độ lý luận chính trị, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho cán bộ quản lý, người lao động.

- Tổng Giám đốc Tổng công ty và Ban thường vụ Công đoàn Tổng công ty đã

ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có nhiều chính sách ưu việt hơn so với Luật cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các Dự án:

3.1. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020:

3.1.1. Công ty mẹ - Tổng công ty: Thực hiện giá trị khối lượng ĐTXD năm 2020: 820.175 triệu đồng.

3.1.2. Toàn Tổng công ty: Thực hiện giá trị khối lượng ĐTXD năm 2020: 860.870 triệu đồng.

(Chi tiết như biểu 01 thực hiện ĐTXD Công ty mẹ - Tổng công ty).

3.2. Tình hình thực hiện các dự án năm 2020 của Công ty mẹ:

a. Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai (Nhóm A):

- Tổng mức đầu tư: 2.564.739 triệu đồng (QĐ số 295/QĐ-HĐTV ngày 29/4/2016).

- Giá trị khối lượng thực hiện: Giá trị thực hiện năm 2020: 27.183 triệu đồng (tương đương 56% kế hoạch); Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020: 2.252.689 triệu đồng (tương đương 87% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

- Giải ngân: Giá trị giải ngân năm 2020: 27.183 triệu đồng (tương đương 100% giá trị khối lượng thực hiện); Lũy kế giải ngân đến 31/12/2020: 2.181.290 triệu đồng (tương đương 97% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện).

Dự án triển khai còn chậm chưa đảm bảo tiến độ. Nguyên nhân bị kéo dài tiến độ do công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư gặp nhiều khó khăn vướng mắc của địa phương trong công tác quyết định thu hồi đất, thông kê đền bù,...

Đến nay, dự án đã hoàn thành xây dựng tất cả các hạng mục công trình chính; trừ 02 hạng mục/gói thầu: Nắn suối Nậm Chôn + Xây dựng cầu qua đoạn nắn suối Nậm Chôn, Xây dựng bãi thải quặng đuôi giai đoạn 2; triển khai thi công chậm do vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB. Về dây chuyền thiết bị công nghệ nhà máy tuyển khoáng đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ ngày 01/02/2019.

b. Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai (Nhóm A):

- Tổng mức đầu tư: 3.927.534 triệu đồng (QĐ số 1633/QĐ-TKV ngày 19/8/2015).

- Giá trị khối lượng thực hiện: Giá trị thực hiện năm 2020: 638.048 triệu đồng (tương đương 107% kế hoạch); Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020: 2.705.915 triệu đồng (tương đương 69% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

- Giải ngân: Giá trị giải ngân năm 2020: 638.048 triệu đồng (tương đương 100% giá trị khối lượng thực hiện); Lũy kế giải ngân đến 31/12/2020: 1.947.047 triệu đồng (tương đương 72% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện).

Dự án triển khai còn chậm do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan tồn tại từ những năm trước như: tỉnh Lào Cai thực hiện thu hồi apatit trên mặt bằng nhà máy; thực hiện điều chỉnh quy hoạch và thu hồi một phần đất của dự án để xây dựng khu vực cửa khẩu Bán Vược; điều chỉnh thiết kế cho phù hợp trong quá trình thi công xây dựng; công tác giải ngân thanh toán cho các hợp đồng chậm, ảnh

hưởng đến nguồn lực và tiến độ thi công của các nhà thầu; Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19...

- Về tiến độ dự kiến: Dịch Covid-19 đã tác động đến việc đưa Thiết bị và chuyên gia từ Trung Quốc đến công trường. Đây là nguyên nhân bất khả kháng làm ảnh hưởng đến tiến độ và kéo dài thời gian thực hiện dự án. Chủ đầu tư đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, nhà thầu tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để xây dựng, lắp đặt thiết bị quý I/2021, chạy thử, chính định thiết bị quý II/2021, đưa vào sản xuất quý III/2021 theo kế hoạch.

- Đối với các hạng mục chưa triển khai gồm: xây dựng Trạm cân, sân bê tông và cây xanh, mua sắm thiết bị xưởng sửa chữa cơ khí, thiết bị văn phòng và thiết bị phục vụ sản xuất. Các phần việc này phục vụ vận hành sản xuất và sẽ thực hiện xong trước quý II/2021.

c. Dự án Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai (Nhóm B):

- Tổng mức đầu tư: 490.684 triệu đồng (QĐ số 380/QĐ-HDQT ngày 15/6/2016).

- Giá trị khối lượng thực hiện: Giá trị thực hiện năm 2020: 65.000 triệu đồng (tương đương 102 % kế hoạch); Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020: 170.032 triệu đồng (tương đương 35% tổng mức đầu tư được phê duyệt).

- Giải ngân: Giá trị giải ngân năm 2020: 65.000 triệu đồng; Lũy kế giải ngân đến 31/12/2020: 148.088 triệu đồng (tương đương 87% tổng giá trị khối lượng đã thực hiện).

- Tiếp tục thực hiện công tác thống kê bồi thường, giải phóng mặt bằng, mặc dù hiện tại còn gặp nhiều khó khăn.

- Tổ chức tự thực hiện gói thầu số 13, 14.

- Tổ chức thực hiện các gói thầu số 10, 11, 17, 18(a,b), 8, 9; đấu thầu gói 18c và triển khai các công việc tiếp theo.

d. Đầu tư duy trì, nâng cao năng lực sản xuất Công ty mẹ - Tổng công ty (Nhóm C):

Ngoài các dự án khai thác, chế biến khoáng sản (Nhóm A, B) nêu trên, trong năm Công ty mẹ - Tổng công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án/công trình đầu tư duy trì, nâng cao năng lực sản xuất nhóm C như: Đầu tư xây dựng nhánh rẽ mạch kép, tiết diện AC 240, đấu chuyển tiếp trên đường dây 110kV Mường Hum - Lào Cai, đấu nối trạm Mở rộng nhà máy Đồng Lào Cai; Đầu tư nâng cấp hệ thống mạng nội bộ; Đầu tư thiết bị khai thác phục vụ sản xuất; Hệ thống thu gom xử lý khí Phân xưởng Luyện - Axít; Đầu tư thiết bị bổ sung năng lực đào lò; Đê chắn thải nam - bắc khu tây, nam khu đông và các hố lắng thải; Đầu tư cầu rửa xe bán tự động Phân xưởng vận tải và Phân xưởng Tuyển khoáng; Đầu tư hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt phân xưởng tuyển khoáng, vận tải, khai thác - Chi nhánh mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico; Đầu tư lắp đặt bổ sung 04 bể điện phân; Đầu tư khu tập kết vật tư thu hồi và vật tư gia công chế tạo HM310; Đầu tư nâng cấp công đoạn xử lý bùn dương cực HM316...

BIỂU 01: THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	TH 2019	NĂM 2020	Ghi chú
I	Kế hoạch đầu tư xây dựng	1.075.893	820.175	
1	Dự án nhóm A	952.568	665.231	
1.1	Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyến đông Sin Quyền, Lào Cai	118.910	27.183	
1.2	Mở rộng và nâng công suất nhà máy luyện đông Lào Cai (Giai đoạn I: 3 vạnT/n)	833.658	638.048	
2	Dự án nhóm B	41.914	65.000	
2.1	Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, LC	41.914	65.000	
3	Dự án nhóm C	81.411	89.944	
3.1	Đầu tư bổ sung duy trì SXKD của Tcty	81.411	89.944	.

3.3. Đầu tư tài chính tại các Công ty con, Công ty liên kết năm 2020:

Đơn vị: đồng

TT	Đơn vị	Tổng doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Ghi chú
I	Công ty con CP chi phối			
1	CTCP Kim loại màu Thái Nguyên-Vimico	756.273.361.282	71.952.254.213	
2	CTCP Khoáng sản & Luyện Kim Cao Bằng	63.195.916.674	2.035.571.073	
3	CTCP Gang thép Cao Bằng	2.154.845.461.374	71.929.895.577	
4	CTCP Du lịch & Thương mại Bằng Giang Cao Bằng	9.867.361.039	-1.876.196.681	
5	CTCP Khoáng sản 3 - Vimico	141.267.860.125	-29.072.769.448	
6	CTCP Đầu tư Gang thép Lào Cai	152.147.786	0	Chờ giải thể
7	CTCP Đất hiếm Lai Châu-Vimico	16.503.131.733	1.350.000	Đang đầu tư
II	Công ty liên kết			
1	CTCP Đá Quý và Vàng Hà Nội	6.790.067.826	171.368.575	
2	CTCP Xi măng Tân Quang	787.893.863.316	42.310.738.822	

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	7.760.501	8.571.269	10,4%
Doanh thu thuần	6.145.240	6.162.989	0,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.164	245.132	1516,5%
Lợi nhuận khác	346	(2.046)	-690,7%
Lợi nhuận trước thuế	15.511	243.087	1467,2%
Lợi nhuận sau thuế	(43.023)	204.647	-575,7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3,0%	Dự kiến 6,1%	103,3%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,78	0,80	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,36	0,33	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,71	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,23	2,48	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	3,77	3,49	
+ Vòng quay tổng tài sản	0,78	0,75	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	0,03	LNST năm 2019 < 0
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	-	0,08	LNST năm 2019 < 0
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	0,025	LNST năm 2019 < 0
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-	0,04	LNST năm 2019 < 0

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2020:

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
200.000.000	Cổ phần phổ thông	199.085.200	914.800

Danh sách cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:

Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
Cổ đông thể nhân	3.882.100	914.800	Theo thời gian cam kết làm việc tại DN

5.2. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông sáng lập: Không có
- Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Vimico:

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	196.117.900	98,06 %

- Cơ cấu cổ đông:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông Nhà nước	1	196.117.900	98,06%
II	Cổ đông trong nước	1.472	3.882.100	1,94%
1	Cá nhân	1.470	3.882.100	1,94%
2	Tổ chức	2	197.117.900	98,56%
III	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
	TỔNG CỘNG	1.472	200.000.000	100%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tại Nhà máy Luyện đồng Lào Cai đã đầu tư bổ sung hệ thống xử lý khí dư và xử lý khí đuôi; hoàn thành lắp đặt bổ sung thiết bị hệ thống quan trắc khí thải tự động để quan trắc bổ sung các thông số (áp suất, NOx, CO), bổ sung camera giám sát và kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; giảm thiểu phát thải ra môi trường không khí của hệ thống sản xuất a xít sulfuric. Các thông số về môi trường nằm trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn Quốc gia về bảo vệ môi trường.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng công ty là đơn vị khai thác và chế biến khoáng sản (tuyển, luyện) để tạo ra các nguyên liệu cơ bản, như: Kim loại màu (thiếc, chì, kẽm, đồng); Kim loại đen (sắt); Kim loại quý hiếm (vàng, bạc, đất hiếm), cho các ngành sản xuất khác với quy trình sản xuất liên tục từ khâu khai thác đến khâu chế biến. Quy trình sản xuất, công tác quản lý kỹ thuật và bảo vệ môi trường được VIMICO ưu tiên chú trọng, nên các chỉ tiêu về ATVSLĐ - BVMT luôn trong phạm vi an toàn cho phép theo quy định

Nhà nước. Việc quản lý nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất được kiểm soát chặt chẽ thông qua các giải pháp kỹ thuật và hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

6.2.1. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Năng lượng tiêu thụ tập trung chủ yếu của Công ty mẹ ở 02 đơn vị khai thác, sản xuất trực tiếp khoáng sản kim loại màu là Chi nhánh Mỏ tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - Vimico và Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai - Vimico.

Năm 2020 Công ty mẹ - Tổng công ty tiêu thụ:

- Điện năng: 114,779 triệu kWh, trong đó:
 - + CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Lào Cai - Vimico: 70,053 triệu kWh.
 - + CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico: 44,726 triệu kWh.
- Xăng, dầu các loại: 15,773 triệu lít, trong đó:
 - + CN Mỏ tuyển đồng Sin Quyền. Lào Cai - Vimico: 13,988 triệu lít.
 - + CN Luyện đồng Lào Cai - Vimico: 1,745 triệu lít.

6.2.2. Công tác sử dụng nhiên liệu, điện năng:

Với việc tiết giảm chi phí sử dụng năng lượng để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hàng năm trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Tổng công ty luôn chỉ đạo các đơn vị sản xuất thực hiện tốt các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng và tiết kiệm năng lượng trong quá trình sản xuất. Đồng thời chú trọng việc xây dựng các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giải pháp kỹ thuật và tuyên truyền, vận động người lao động nâng cao ý thức trách nhiệm về quản lý, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn trong sản xuất. Chủ động, tích cực trong việc thực hiện, theo dõi và quản lý các chỉ tiêu định mức tiêu thụ năng lượng phù hợp cho mỗi loại sản phẩm đến các bộ phận sản xuất và người lao động.

- Trong quản lý, điều hành sản xuất tại các đơn vị, phổ biến, quán triệt tới toàn thể cán bộ nhân viên thực hiện tiết kiệm điện, đưa nội dung tiết kiệm điện vào chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật nội bộ và thi đua khen thưởng hàng năm. Đối với những công đoạn sản xuất độc lập hoặc dây chuyền sản xuất có những thiết bị hoạt động không liên tục mà không cần thiết phải hoạt động trong giờ cao điểm đều được bố trí cho hoạt động sản xuất ngoài giờ cao điểm.

- Áp dụng các giải pháp quản lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành trong chiếu sáng công cộng; Thay thế các đèn chiếu sáng bằng đèn tiết kiệm điện; Triển khai các giải pháp công nghệ tiết kiệm điện trong chiếu sáng công cộng, sử dụng thiết bị chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện cho 100% công trình chiếu sáng công cộng xây dựng mới.

- Thực hiện tự động hóa các tuyến chiếu sáng công cộng xây mới để giảm lượng ánh sáng theo khung thời gian đảm bảo giảm cường độ chiếu sáng khi không cần thiết.

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong việc thay thế dần các loại Aptomat, Contactor điều khiển động cơ điện của các thiết bị trong các dây chuyền tuyển khoáng, luyện kim bằng các loại biến tần phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu trong việc chinh định công nghệ, đồng thời tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong các công đoạn sản xuất.

Các giải pháp chính nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm tiêu hao năng lượng trong năm 2020 gồm (1) Thực hiện lắp đặt hệ thống giám sát điện áp bề điện phân nhằm ổn định về công nghệ tại Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai; (2) Hoàn thiện hệ thống cấp phát nhiên liệu tự động nhằm đồng bộ với hệ thống kiểm soát điều hành phương tiện vận tải bằng GPS hiện có và kiểm soát chặt chẽ trong khâu cấp phát nhiên liệu; thay thế, lắp đặt chuyển đổi các thiết bị có công suất nhỏ hơn mà vẫn đáp ứng được yêu cầu của dây chuyền sản xuất tại Chi nhánh Mô tuyển đồng Sin Quyền.

6.3. Tiêu thụ nước:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty tập trung tại khu vực Lào Cai, vì vậy nguồn nước chủ yếu lấy từ suối Ngòi Phát cung cấp cho Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền và từ nhà máy nước khu vực xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng cung cấp cho Nhà máy Luyện đồng Lào Cai với lượng nước sử dụng như sau:

a. Nhà máy tuyển đồng Sin Quyền:	
Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	20.577.547 m ³
Trong đó	
+ Lượng nước bổ sung	6.173.264 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~70%)	14.404.284 m ³
b. Nhà máy Luyện đồng Lào Cai:	
Tổng lượng nước sử dụng cho dây chuyền công nghệ	192.378 m ³
Trong đó	
+ Lượng nước bổ sung	19.237 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn (tỷ lệ thu hồi nước ~90%)	173.141 m ³
c. Tổng lượng nước Công ty mẹ - Tổng công ty sử dụng:	20.769.925 m ³
Trong đó	
+ Lượng nước bổ sung	6.192.501 m ³
+ Lượng nước tuần hoàn tái sử dụng	14.577.425 m ³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Năm 2020, các đơn vị trong Tổng công ty tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Năm 2020, tổng số lao động bình quân trong Công ty mẹ - Tổng công ty là 1.850 người, tiền lương bình quân 10,826 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Chi tiết đã trình bày tại mục 2.5.2, phần II.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 165/ VIMICO-TLGD ngày 27/02/2020, trong năm 2020 Tổng công ty đã cử 349 lượt CBCNV, người lao động tham gia các lớp học ngắn hạn, dài hạn, các lớp tập huấn do TKV và Tổng công ty tổ chức ở mọi chuyên ngành, lĩnh vực khác nhau ở 28 lớp/chương trình đào tạo, bồi dưỡng với tổng kinh phí là 4,365 tỷ đồng.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2020 Tổng công ty đã tích cực tham gia và thực hiện tốt hoạt động an sinh xã hội, phát triển cộng đồng tại các địa phương với tổng kinh phí thực hiện là 3,202 tỷ đồng

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Chi tiết đã được nêu tại Khoản 1, mục II Báo cáo này)

1.2. Những việc đã làm được:

Tổng công ty đã quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, ban hành các giải pháp nhằm thực hiện và hoàn thành kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2020.

Tổng công ty bám sát kế hoạch kỹ thuật công nghệ, kế hoạch sản lượng điều hành và các giải pháp kỹ thuật ban hành để triển khai có hiệu quả. Đảm bảo an toàn trong khai thác mỏ, đáp ứng cung cấp đủ quặng nguyên khai cho khâu tuyển. Tích cực triển khai XDCB các mỏ đồng Vi Kẽm, mỏ Chi kẽm Cúc Đường, mỏ thiếc Thập Lục Phần. Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật khai thác đặc biệt là khâu khoan nổ mìn, xúc bốc, kiểm soát cung độ vận tải. Mặc dù có khó khăn về cung cấp nguyên liệu, nhưng hầu hết các nhà máy luyện kim đã duy trì hoạt động với thời gian có ích tăng, năng suất cao, các chỉ tiêu kỹ thuật đạt yêu cầu, chất lượng sản phẩm tốt, sản lượng các sản phẩm luyện kim đạt kế hoạch và cao hơn các năm trước.

Tổng công ty đã hoàn thiện và ban hành bổ sung các quy định, quy chế quản lý phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty. Tiếp tục rà soát, sắp xếp, định biên lại lao động tại các chi nhánh, đơn vị. Bố trí lao động hợp lý tại các khâu, bộ phận sản xuất. Thực hiện luân chuyển, điều động trong nội bộ Tổng công ty, hạn chế tối đa việc tuyển dụng mới (ngoại trừ lực lượng công nhân kỹ thuật cho các dự án mới). Chủ động giải quyết các vướng mắc liên quan thu xếp vốn cho các dự án đầu tư, thu xếp đủ vốn phù hợp với dòng tiền, hỗ trợ thu xếp vốn lưu động cho các công ty con.

Tổng công ty đã đẩy mạnh công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ vào quản lý, sản xuất kinh doanh. Năm 2020 toàn Tổng công ty có

10 sáng kiến CTKT, HLHSX đã được công nhận để đưa vào thẩm định xét thưởng với giá trị làm lợi khoảng 13 tỷ đồng.

Công tác quản lý mua sắm vật tư phục vụ sản xuất có chuyển biến tích cực, tỷ lệ tồn kho vật tư dưới 6% theo đúng quy định.

1.3. Tồn tại, hạn chế:

- Về sản xuất: Một số mỏ sản lượng khai thác đạt thấp so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều vướng mắc làm chậm một số dự án so với tiến độ (nấn suối Nậm Chỏn; khu Bắc Nà Rựa; bãi thải Tây Nam mỏ Sin Quyền; Điều kiện khai thác các mỏ thiếc sa khoáng khó khăn, khai trường xuống sâu, diện tích hẹp, chiều cao bờ công tác lớn, khai tuyến lại bãi thải cũ (mỏ Tĩnh Túc); Mỏ Suối Bắc đang tạm dừng sản xuất; Mỏ Bản Cò đang làm các thủ tục đóng cửa mỏ; thiết bị huy động phục vụ khai thác chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất...

- Về đầu tư: Do ảnh hưởng của đại dịch Covid nên dự án Nhà máy Luyện đồng công suất 20.000 tấn/năm chưa đưa vào hoạt động trong năm 2020.

2. Tình hình tài chính và những đánh giá về tài chính: (số liệu chi tiết tại Khoản 4, Mục II Báo cáo này).

Năm 2020, tình hình tài chính của Tổng công ty đã có cải thiện so với năm 2019 do việc giải ngân cho các dự án đã được kết nối lại, những tháng cuối năm tình hình tiêu thụ các sản phẩm của Tổng công ty có chuyển biến tích cực, giá một số sản phẩm chính tăng cao.

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản toàn TCT tăng 810.768 trđ so với số đầu năm, trong đó: tài sản ngắn hạn tăng 436.697 trđ; tài sản dài hạn tăng 374.071 trđ.

Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do hàng tồn kho tăng 275.786 trđ; các khoản phải thu tăng 176.664 trđ. Các khoản phải thu tăng là các do chính sách bán hàng và dư nợ trong hạn theo quy định hợp đồng, các khoản nợ quá hạn đã được thu hồi dần, dư nợ các khoản phải thu khó đòi giảm.

Tài sản dài hạn tăng do chi phí đầu tư xây dựng cơ bản tăng, chủ yếu là tăng tại Cty mẹ TCT.

b) Tình hình nợ phải trả:

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2020 tăng 748.746 trđ so với đầu năm, trong đó nợ ngắn hạn tăng 458.956 trđ (phải trả cho người bán tăng 216.965 trđ; vay và nợ thuê tài chính bao gồm cả nợ dài hạn đến hạn trả tăng 191.359 trđ; nợ dài hạn tăng 289.790 trđ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2020, Tổng công ty tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2017-2020 và Phương án mô hình tổ chức, định biên lao động toàn Tổng công ty. Theo đó, Tổng công ty đã hoàn thành thoái vốn tại Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh. Ngoài ra Tổng công ty tiến hành rà soát lao động tại

Chi nhánh Luyện đồng Lào Cai nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ cho Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy Luyện hoàn thành đi vào hoạt động năm 2021; rà soát, cơ cấu lại lao động tại Chi nhánh Đá quý Việt Nhật, chỉ đạo Người đại diện Tổng công ty tại Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng, Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên và các đơn vị rà soát, tái cơ cấu lao động nhằm tinh gọn bộ máy, giảm áp lực về tiền lương và các chi phí liên quan; xây dựng Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 với những phương án về tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty.

Tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, của TKV, phù hợp với Điều lệ và mô hình quản lý thực tế của Tổng công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 Công ty mẹ - Tcty:

- Doanh thu:

+ Công ty mẹ - Tcty: 5.158 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 4.984 tỷ đồng, doanh thu khác: 174 tỷ đồng.

+ Hợp nhất toàn Tcty: 8.602 tỷ đồng

Trong đó:	Doanh thu khoáng sản:	8.407 tỷ đồng
	Doanh thu SXKD khác:	195 tỷ đồng

- Lợi nhuận trước thuế:

+ Lợi nhuận Công ty mẹ: 173 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 149 tỷ đồng; Kinh doanh khác: 24 tỷ đồng).

+ Lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tcty: 218 tỷ đồng, bao gồm: Lợi nhuận từ khoáng sản: 190 tỷ đồng; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 28 tỷ đồng.

- Tỷ lệ cổ tức: 6%

- Tiền lương bình quân: Toàn Tổng công ty đạt 8,958 tr.đ/người/tháng, trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 11,255 tr.đ/người/tháng.

- Lao động sử dụng trong kỳ: 4.938 người, trong đó, công ty mẹ 2.298 người.

- Tổng giá trị ĐTXD CB: 1.476 tỷ đồng. Trong đó: Chuẩn bị dự án, thực hiện đầu tư: 1.335,29 tỷ đồng; Trả nợ khối lượng năm trước: 0 tỷ đồng; Dự phòng: 140,71 tỷ đồng.

4.2. Các sản phẩm chủ yếu sản xuất - tiêu thụ Công ty mẹ:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn tính	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Tinh quặng đồng 25%Cu		67.382	
2	Tinh quặng manhetit 60%Fe	Tấn	170.340	202.000
3	Đồng katốt 99,95% Cu	Tấn	25.000	25.000
4	Vàng 99,95% Vàng	Kg	882	882

5	Bạc thời 99% Ag	Kg	995	995
6	Axit sulfuric 93 - 98% H ₂ SO ₄	Tấn	125.490	115.800

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Kết quả quan trắc, giám sát môi trường định kỳ cho thấy các chỉ tiêu về môi trường đạt Quy chuẩn Việt Nam. Tổng công ty chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện tốt việc thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động. Đảm bảo được công việc, tiền lương, chế độ chính sách và chế độ đãi ngộ khác cho người lao động. Ban hành bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến người lao động theo đúng quy định của pháp luật và điều kiện SXKD thực tế của Tổng công ty.

5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Năm 2020, Tổng công ty đã chấp hành đúng quy định của các địa phương về các vấn đề hỗ trợ cộng đồng địa phương nơi Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HĐQT Tổng công ty hiện nay gồm có 05 thành viên là:

1. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty;
2. Ông Trịnh Văn Tuệ - TV HĐQT - Tổng Giám đốc;
3. Ông Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT, Phó TGD;
4. Ông Đặng Đức Hưng - Thành viên HĐQT, Phó TGD.
5. Ông Bùi Tiến Hải - Thành viên HĐQT, Phó TGD.

Ngày 25/3/2020, HĐQT Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 670/NQ-VIMICO bầu Ông Nguyễn Văn Hải - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2020 - 2025 kể từ ngày 25/3/2020.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020

HĐQT Tổng công ty đã tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, triển khai thực hiện đầy đủ nội dung Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT với trách nhiệm quản lý mọi mặt hoạt động SXKD của Tổng công ty đã chỉ đạo điều hành thực hiện đúng vai trò quản lý, giám sát và

đưa ra nhiều chủ trương, biện pháp hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Ban giám đốc Tổng công ty điều hành đúng định hướng:

2.1.1. Trong năm 2020, HĐQT Tổng công ty đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, 50 phiên họp HĐQT và ban hành 147 nghị quyết chỉ đạo và thông qua với các nội dung chủ yếu sau:

Ban hành, sửa đổi, bổ sung một số Quy chế, Quy định quản lý nội bộ làm cơ sở cho việc quản lý điều hành của Tổng công ty và kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Mặc dù thị trường biến động, ảnh hưởng bất lợi đến hiệu quả SXKD của Tổng công ty, HĐQT đã tập trung mọi nỗ lực để thúc đẩy các giải pháp, tăng cường quản trị, giám sát điều hành, chỉ đạo triển khai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Tổng công ty. Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch các năm 2020 và triển khai thực hiện phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm kế tiếp.

Trong công tác đầu tư tập trung chỉ đạo và huy động mọi nguồn lực, biện pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án như: Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyến đồng Sin Quyền, Lào Cai; Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai; Dự án Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm; Dự án Khai thác mỏ thiếc gốc Tây Nam Núi Pháo; một số gói thầu thuộc dự án mở rộng và nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền;... Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ tiến độ, chất lượng, chi phí từng hạng mục, từng gói thầu; giải quyết dứt điểm các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án nhóm B tại các công ty con và đẩy nhanh tiến độ quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đã hoàn thành theo quy định.

Kiên trì, quyết liệt triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu. Tiếp tục tuyên truyền quảng bá, mời gọi các nhà đầu tư nhằm giảm vốn của TKV trong Tổng công ty xuống còn 65%. Thực hiện thoái vốn thành công Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh, thu về lợi nhuận 37,8 tỷ đồng mang lại hiệu quả cao, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực, thực hiện thành công một số mục tiêu chính trong Đề án tái cơ cấu về xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và CNKT trình độ cao.

Thông qua nhân sự đề Tổng Giám đốc Tổng công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty theo thẩm quyền.

2.1.2. Các thành viên Hội đồng quản trị đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, tham gia và/hoặc có ý kiến tham gia đầy đủ tất cả các phiên họp hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu. Theo lĩnh vực được phân công, các thành viên đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng công ty. HĐQT đồng thuận khi thông qua các Nghị quyết, quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển, các chủ trương lớn nhằm kịp thời giải quyết công việc, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD đúng với quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Tổng Công ty và quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, HĐQT mời Trưởng Ban kiểm soát và một số cán bộ

quản lý tham gia cuộc họp để HĐQT có những quyết định phù hợp với tình hình sản xuất.

2.1.3. Về thù lao của HĐQT thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2.2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng công ty:

Chi tiết về hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty năm 2020 đã được nêu chi tiết tại mục II Báo cáo này.

2.2.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020 trong điều kiện phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức: ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 đến kinh tế toàn cầu, giá cả các mặt hàng lao dốc, nhiều khu vực bị cách ly, phong tỏa, việc nhập khẩu thiết bị và nhập cảnh của các chuyên gia nước ngoài bị ách tắc dẫn đến phải điều chỉnh tiến độ Dự án Nhà máy luyện đồng số 2. Công tác đền bù giải phóng mặt bằng chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án khác như: mỏ đồng Vi Kẽm, mỏ thiếc Tây Nam Núi Pháo và một số gói thầu của Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ đồng Sin Quyền. Tài nguyên khoáng sản tại một số mỏ giảm do chủ yếu là khai thác tận thu, nạo vét (thiếc, chì kẽm, khu Nam sắt Nà Rủa). Mỏ đồng Sin Quyền, khai thác xuống sâu, cung độ kéo dài, chiều cao nâng tải lớn, ảnh hưởng đến công tác vận tải và giá thành khai thác. Công tác xin cấp, gia hạn giấy phép khai thác mỏ và hoàn thiện các thủ tục khác gặp nhiều khó khăn, kéo dài ảnh hưởng đến khả năng cung cấp nguyên liệu trong dài hạn. Một số mỏ đã được cấp phép nhưng chưa đủ điều kiện để khai thác do khó khăn về thị trường, công nghệ chế biến, thu xếp tài chính (mỏ sắt Làng Vinh - Làng Cọ, mỏ đất hiếm Đông Pao). Song với kinh nghiệm và quan điểm chỉ đạo quyết đoán của lãnh đạo TKV trong việc tiếp tục giữ vững nhịp độ sản xuất; việc hỗ trợ vật chất kịp thời cùng với tinh thần quyết tâm, sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, HĐQT, BGD và sự đồng thuận, đoàn kết, nỗ lực của tập thể người lao động toàn Tổng công ty, nhất là cách thức ứng xử với biến động có lợi của giá cả từ giữa quý III/2020 đã giúp Tổng công ty vượt qua thách thức đại dịch Covid - 19 để đạt được kết quả tốt khi kết thúc năm 2020.

(1) Công tác tái cơ cấu Doanh nghiệp:

Hoàn thiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021 ÷ 2025 trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt

Về hoàn thiện các quy định quản lý: đã thực hiện rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Một số quy định cần phải tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với các Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư .. thay đổi và có hiệu lực từ 01/01/2021

Công tác quản lý vốn đầu tư ngoài doanh nghiệp: Thực hiện tái cơ cấu vốn của cổ đông. Thực hiện và chấp hành nghiêm túc việc quản lý cổ đông, công bố thông tin và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trong năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện xong việc thoái toàn bộ

Báo cáo thường niên năm 2020

2.367.040 cổ phần tương đương 60,93% vốn điều lệ của Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh. Góp vốn điều lệ vào CTCP Đất hiếm Lai Châu 4.093 triệu đồng, nâng tỷ lệ góp vốn lên 135.112 Triệu đồng bằng 38,06 vốn điều lệ Công ty. Đến ngày 31/12/2020, Tổng công ty đầu tư góp vốn vào 07 công ty con và 02 công ty liên kết với tổng giá trị đầu tư: 613.611 triệu đồng bằng 30,68% vốn điều lệ Tổng công ty. Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng giá trị vốn góp của Tổng công ty theo mệnh giá là 613.611 tr.đồng chiếm 30,68%/ vốn chủ sở hữu.

(2) Triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành SXKD:

- Đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị bám sát kế hoạch điều hành, các phương án sản xuất năm 2020 để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế từng đơn vị, đảm bảo sản xuất hiệu quả với mục tiêu tổng quát là: **AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN.**

- Tiếp tục chấn chỉnh, duy trì kỷ luật, kỷ cương, quyết liệt và sâu sát hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tái cơ cấu từ Tổng công ty tới các đơn vị thành viên. Xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm các quy chế quản lý của Tổng công ty.

- Căn cứ kế hoạch SXKD đã được phê duyệt, các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch điều hành sản xuất, phương án tiêu thụ trên cơ sở bám sát diễn biến giá cả thị trường để điều hành chi phí một cách linh hoạt, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất trong toàn Tổng công ty. Điều hành sản xuất, tiêu thụ, kiểm soát chi phí hàng tháng nhằm hạn chế tối đa các chi phí phát sinh.

- Tăng cường công tác quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm, an toàn và bảo vệ môi trường. Kiểm soát chặt chẽ và tối ưu hóa các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ (giảm định mức tiêu hao cốc/gang, tăng tỷ lệ thực thu tuyển khoáng, luyện kim, giảm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng,...). Nâng cao hiệu quả vận hành các nhà máy, dây chuyền công nghệ, thiết bị, giảm số sự cố, giảm tỷ lệ dừng máy (cả dừng bảo dưỡng và dừng sự cố), giảm số ngày dừng vận hành không theo kế hoạch.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng, nguyên nhiên liệu, vật tư tiêu hao đưa vào sản xuất ở tất cả các khâu, nâng cao hiệu suất vận hành tất cả các nhà máy tuyển khoáng, luyện kim, hiệu quả kinh doanh.

- Tập trung giải quyết các vướng mắc về cấp giấy phép khai thác... đối với mỏ thiếc Tĩnh Túc, kẽm chì Làng Hích...

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng CNTT thống nhất từ TCTy tới các đơn vị đáp ứng cho việc triển khai các hệ thống ứng dụng của chương trình tin học hóa, tự động hóa của Tổng công ty. Sử dụng, khai thác tối đa chức năng quản trị của phần mềm dùng chung (ERP) trong công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty.

- Tăng cường sử dụng sản phẩm, dịch vụ, hỗ trợ lẫn nhau trong nội bộ Tổng công ty, nội bộ Tập đoàn trên cơ sở đảm bảo chất lượng, giá cạnh tranh.

(3) Công tác An toàn - Môi trường:

Tổng công ty xác định việc đảm bảo An toàn - Môi trường là một trong các nhân tố đề tồn tại và phát triển bền vững của Tổng công ty, do vậy đã được toàn bộ hệ thống chính trị của Tổng công ty (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, chuyên môn) đặc biệt quan tâm và có các quy định và chỉ đạo, giám sát kiểm tra thường xuyên.

(4) Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất- kinh doanh, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất:

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, các giải pháp hợp lý hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả SXKD, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm ở tất cả các công đoạn sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong năm 2020 toàn Tổng công ty đã có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất với nhiều nội dung phong phú và đa dạng như: Cải tiến phương pháp công nghệ cải tiến thiết bị, tự động hóa, tăng năng suất lao động, thay thế vật tư, tiết kiệm năng lượng, giảm tiêu hao, tận dụng phế liệu, cải thiện điều kiện lao động, an toàn lao động và bảo vệ môi trường... Trong đó, cấp Tổng công ty có 07 sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất với giá trị làm lợi dự kiến ~ 18 tỷ đồng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, điển hình là: Giải pháp hợp lý hóa trong sản xuất tại khai trường mỏ tuyển đồng Sin Quyền điều chỉnh phương án đổ thải để mở rộng dung tích đổ thải; Thay đổi đường đi tuyến ống bùn tràn từ phân cấp cyclon về thùng khuấy; Giải pháp nâng cao chất lượng đường vận tải khai trường; Sáng kiến cải tiến khuôn cái đúc khuôn đồng dương cực 1 mặt thành 2 mặt.

2.2.2. Đánh giá công tác tài chính:

Kịp thời báo cáo đề xuất TKV hỗ trợ dòng tiền, công cụ tài chính để thu xếp, cân đối đủ tiền cho nhu cầu SXKD và hoạt động đầu tư, đồng thời có tiền để dự trữ nguyên liệu tinh quặng mua của Tả Pờn chuẩn bị cho NM Luyện đồng số 2. Tích cực làm việc với các tổ chức tín dụng tháo gỡ các vấn đề vướng mắc phát sinh do các dự án đầu tư chậm tiến độ. Trong năm đã tiếp tục giải ngân 02 hợp đồng tín dụng dài hạn với tổng hạn mức 2.868 tỷ đồng tài trợ cho DAMR luyện đồng.

Đã tăng cường thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đôn đốc các đơn vị thực hiện các kết luận của Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ. Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với Tư vấn Luật trong việc theo đuổi các vụ tranh chấp nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của Doanh nghiệp.

2.2.3. Đánh giá công tác đầu tư:

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 chưa hoàn thành kế hoạch giao, do một số nguyên nhân như: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, các cổ đông ngoài không đồng thuận triển khai thực hiện; thời gian thẩm định thiết kế/thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng do cơ quan chuyên môn về xây dựng của địa phương... thực hiện bị kéo dài.

*Tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD dự án trọng điểm Công ty mẹ - Tổng công ty :

(1) Dự án Khai thác mở rộng và nâng công suất khu mỏ - tuyển đồng Sin

Quyền, Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tổng công ty làm Chủ đầu tư):

Năm 2020, thực hiện 27.183 triệu đồng/48.820 triệu đồng kế hoạch, đạt 55,68%; nguyên nhân do vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB của chính quyền địa phương; Trong năm 2020, Tổng công ty đã hoàn thành phê duyệt quyết toán vốn đợt 1 của dự án.

(2) Dự án Mở rộng nâng công suất Nhà máy luyện đồng Lào Cai (Dự án nhóm A do Công ty mẹ - Tổng công ty làm Chủ đầu tư):

Mặc dù Tổng công ty và các nhà thầu đã rất quyết liệt nhưng công trình vẫn không đạt kế hoạch theo tiến độ. Trong đó, nguyên nhân cơ bản nhất là việc thực hiện Gói thầu chính do nhà thầu Trung Quốc thực hiện (gói số 8) rơi vào điều kiện bất khả kháng (dịch covid-19) nên việc cung cấp thiết bị, vật tư, lao động không thực hiện được theo kế hoạch. Tổng công ty đã và đang tiếp tục quyết liệt đôn đốc và hỗ trợ các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ lắp đặt xong nhà máy trong quý I/2021, hoàn thành chạy thử, chính định thiết bị trong quý II/2021 và dự kiến đưa vào sản xuất thương mại trong Quý III/2021.

(3) Dự án đầu tư Khai thác mỏ đồng Vi Kẽm, Bát Xát, Lào Cai (Dự án nhóm B do Công ty mẹ - Tổng công ty làm Chủ đầu tư):

Trong năm 2020, gói thầu đào lò thông gió tự làm (gói số 13) đã thi công xong phần xây dựng trong lò, gói thầu số 9 – XD giếng chính đã lựa chọn được nhà thầu, tổng giá trị thực hiện năm 2020: 65.000 triệu đồng/63.410 triệu đồng kế hoạch, đạt 102,51%, tuy nhiên, gói thầu chính hiện nay vẫn chưa triển khai được do khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB.

2.2.4. Đánh giá công tác tổ chức đào tạo, lao động tiền lương:

- Công tác lao động tiền lương: Thực hiện các giải pháp về tiền lương, hướng dẫn các đơn vị thực hiện quản lý lao động và điều hành tiền lương phù hợp với tình hình SXKD của Tổng công ty; Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện công tác lao động tiền lương, chế độ chính sách tại các công ty con, đơn vị trực thuộc, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước, TKV và Tổng công ty; Hỗ trợ thu nhập cho lao động hầm lò tại Chi nhánh MĐV trong giai đoạn đầu tư XD CB và lao động đào tạo cho Nhà máy Luyện đồng số 2 chuẩn bị đi vào hoạt động. Thực hiện đầy đủ chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại, tham quan học tập, nghỉ mát và các khoản phúc lợi khác cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV theo quy định.

- Công tác đào tạo: chuẩn bị sẵn sàng đội ngũ công nhân kỹ thuật và cán bộ cho Dự án Vi Kẽm và Dự án MRNCS Nhà máy Luyện đồng Lào Cai. Đối với đào tạo cán bộ quản lý các cấp: cử các cán bộ trong Tổng công ty tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn theo chương trình đào tạo của TKV, tham gia chương trình đào tạo các chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật, tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Hoàn thành kế hoạch tổ chức Hội thi thợ giỏi cấp Tổng ty lần thứ 6, năm 2020 và Hội thi cấp Tập đoàn lần thứ 11 năm 2020; hoàn thành Dự án triển khai đánh giá hiệu quả công việc theo KPI tại các phòng ban cơ quan Tổng công ty.

2.3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban điều hành theo đúng quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT, của Người đại diện theo pháp luật cho Ban điều hành. Theo yêu cầu của HĐQT, Ban điều hành đã hoạch định, xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của Tổng công ty, của từng đơn vị và của từng thành viên Ban điều hành bằng văn bản, đồng thời đã báo cáo HĐQT các nội dung trên. Ban điều hành có 7 đồng chí gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Tất cả các cán bộ điều hành đều có đủ năng lực, đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao; thực hiện nhiệm vụ mẫn cán, trung thực, đạt hiệu quả cao, thực hiện tiết kiệm chi phí. Nội bộ đoàn kết nhất trí cao, có tinh thần học tập nâng cao trình độ, năng động tích cực và chủ động trong thực thi trách nhiệm của cán bộ quản lý. Tập hợp được đội ngũ nhân viên, hướng dẫn, đào tạo nhân viên hoàn thành được công việc. Duy trì tốt kỷ luật và xây dựng văn hóa, thương hiệu doanh nghiệp.

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho Ban điều hành thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. Hàng quý, HĐQT đều tổ chức họp giao ban liên tịch giữa HĐQT và cơ quan điều hành, Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp quan trọng để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Tổng công ty, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn; Thực hiện công tác kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định của HĐQT và ĐHCĐ.

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Cơ quan điều hành Tổng công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy chế về quản trị công ty.

3. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2021:

Tổng công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của cổ đông lớn - Tập đoàn TKV, sự đồng thuận, đoàn kết của Ban lãnh đạo, của tập thể người lao động trong Vimico. Nhà máy mới đi vào sản xuất đã hoạt động ổn định, trình độ quản lý vận và hành tốt hơn, lãi vay đang ở mức ổn định thuận lợi cho hoạt động SXKD - ĐTXD. Tuy nhiên, tình hình dịch bệnh Covid - 19 còn đang diễn biến phức tạp; kinh tế toàn cầu vẫn có những biến động khó lường, giá cả hàng hóa với nhóm kim loại cơ bản vẫn rất khó dự đoán; công tác giải phóng mặt bằng tiếp tục khó khăn do hầu hết các địa phương đều mới ban hành đơn giá đất cho kỳ 2021-2025; điều kiện khai thác tại đa số các đơn vị khó khăn hơn; máy móc thiết bị xuống cấp; thiếu nguyên liệu để sản xuất cho Tổ hợp gang thép Cao Bằng và trong trung, dài hạn là nguyên liệu để SX đồng tấm tại của các Nhà máy luyện đồng Lào Cai; chính sách thuế - phí tiếp tục tăng cao; các dự án mới đi vào hoạt động, áp lực về chi phí tài chính rất lớn

Trước tình hình trên, HĐQT Tổng công ty tập trung ưu tiên chỉ đạo các mặt hoạt động sau:

3.1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021 với các nội dung chủ yếu:

3.1.1. Hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của KHSX năm 2021 và các nhiệm vụ chính trong quản lý SXKD:

Mục tiêu tổng quát: AN TOÀN - HIỆU QUẢ - PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG đối với mỗi đơn vị thành viên và toàn Tổng công ty.

Mục tiêu điều hành của Tổng công ty: Đồng tâm: 25.000 tấn, trong đó Nhà máy 1 trên 12.500 tấn, Nhà máy 2 đi vào hoạt động từ quý 2 và sản lượng >12.500 tấn; Tinh quặng đồng 25% Cu: 67.382 tấn (NM1: 33.691 tấn; NM2: 33.691 tấn); Vàng 99,95%Au: 882 kg; Bạc 99,95%Ag: 995 kg; A xít sunfuric: 125.490 tấn; Kẽm thối 99,95%Zn: 12.000 tấn; Thiếc thối 99,75Sn: 130 tấn; Phôi thép: 220.000 tấn; Tinh quặng sắt 60%Fe: 179.340 tấn. Mỏ đồng Sin Quyền bóc đất > 12 triệu m³ và khai thác 2,1 triệu tấn quặng nguyên khai; Mỏ Vi kẽm: 50.000, tấn.

Toàn Tổng công ty phấn đấu hoàn thành KH 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

* Các chỉ tiêu hợp nhất toàn Tổng công ty:

- Tổng doanh thu:

Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 8.602 tỷ đồng. Trong đó: Sản xuất khoáng sản: 8.407 tỷ đồng; Sản xuất kinh doanh khác: 195 tỷ đồng.

Doanh thu Công ty mẹ : 5.158 tỷ đồng, trong đó: Doanh thu khoáng sản: 4.984 tỷ đồng, doanh thu khác: 174 tỷ đồng.

- Lợi nhuận:

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế toàn Tổng công ty: 218 tỷ đồng, trong đó: Lợi nhuận từ khoáng sản: 190 tỷ đồng; Lợi nhuận từ kinh doanh khác: 28 tỷ đồng.

Lợi nhuận Công ty mẹ: 173 tỷ đồng, trong đó: Từ khoáng sản: 149 tỷ đồng; Kinh doanh khác: 24 tỷ đồng.

- Cổ tức: $\geq 6,5\%$

- Đầu tư xây dựng cơ bản: 1.349,659 tỷ đồng. Trong đó: Xây lắp: 240,472 tỷ đồng; Thiết bị: 913,007 tỷ đồng; Chi phí tư vấn và khác: 196,179 tỷ đồng.

- Tiền lương và các chế độ chính sách đối với người lao động

Điều hành đảm bảo tiền lương bình quân chung toàn Tổng công ty đạt 8,958 triệu đồng/người/tháng. Trong đó: Công ty mẹ - Tcty: 11,225 triệu đồng/người/tháng.

Năng suất lao động tính trên doanh thu đạt 1,702 tỷ đồng/người-năm.

- Nộp ngân sách: 795 tỷ đồng.

3.1.2. Nâng cao hiệu quả đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của Người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp mà Tổng công ty có vốn góp, giảm và từng bước tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị để khắc phục tình trạng giám sát đặc biệt.

3.1.3. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2021, đảm bảo cân đối và thu xếp đủ vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông. Đẩy mạnh quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.

3.1.4. Chỉ đạo Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty con tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.

3.1.5. Triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện tái cơ cấu vốn của cổ đông. Thực hiện và chấp hành nghiêm túc việc quản lý cổ đông, công bố thông tin và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3.1.6. Chỉ đạo thực hiện và tổ chức giám sát tốt việc thực hiện đầu tư các dự án trọng điểm về tuân thủ chính sách pháp luật trong đầu tư và tiến độ, chất lượng đầu tư. Tổ chức thực hiện các nội dung về các dự án dở dang, quyết toán vốn đầu tư, xử lý tồn đọng về tài chính, tài sản, thu hồi công nợ nội bộ, công nợ phải thu của các khách hàng và các khoản công nợ tồn đọng khác.... của các công ty con, đơn vị trực thuộc theo nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

3.1.7. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm đảm bảo hiệu quả SXKD toàn Tổng công ty.

3.1.8. Thực hiện pháp luật về an toàn lao động, an toàn môi trường;

3.1.9. Chuẩn bị các nguồn lực để chuẩn bị cho kế hoạch 2021: Năng lực hoạt động của thiết bị, bổ sung, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tài nguyên sẵn sàng ngay trong năm 2021.

3.2. Quan tâm đến xây dựng, đào tạo và bổ sung tuyển dụng cán bộ đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ. Hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao năng lực quản lý của cán bộ về đầu tư xây dựng. Xây dựng kỷ luật kỷ cương và văn hóa doanh nghiệp;

3.3. Tăng cường giám sát, chỉ đạo bộ máy quản lý điều hành thực hiện công tác sản xuất kinh doanh và ĐTXD của Tổng công ty có hiệu quả. Chỉ đạo thực hiện tốt các chỉ tiêu tài chính năm 2021, đảm bảo cân đối và thu xếp đủ vốn để thực hiện đầu tư, đáp ứng yêu cầu SXKD, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông theo đúng nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Điều lệ của Tổng công ty và pháp luật đảm bảo quyền lợi chính đáng của các Cổ đông;

3.4. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị xã hội của Tổng công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD vì mục tiêu phát triển Tổng Công ty, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động xây dựng Tổng công ty ngày càng phát triển;

3.5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nâng cao hơn trách nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Tổng công ty. Chỉ đạo rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định theo thẩm quyền để ban hành

thực hiện thống nhất trong toàn Tổng công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Đã nêu tại mục 2 Phần II
 b) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã họp 50 cuộc họp Hội đồng quản trị, 147 nội dung và kết quả của các cuộc họp đã ban hành được 147 nghị quyết

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Đã nêu tại mục 2 Phần II
 b) Hoạt động của Ban kiểm soát:
 - Trong năm 2020 BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với tỷ lệ tham dự họp, làm việc của từng thành viên đạt trên 80%, số cuộc họp năm 2020 là 9 cuộc (phù hợp với Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế của BKS) để làm việc cụ thể, tổng kết các công việc đã thực hiện và lập kế hoạch cho kỳ tiếp theo và báo cáo kiến nghị phù hợp.

- Ngoài ra BKS tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị giao ban điều hành và một số cuộc họp theo chuyên đề để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích
 - Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách.

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH điều chỉnh năm 2020	TH năm 2020
1	Tổng giám đốc	01	500.229.358	540.000.000
2	Phó Tổng giám đốc	04	1.913.377.294	2.065.500.000
3	Kế toán trưởng	01	416.857.798	450.000.000
	Tổng cộng	06	2.830.464.450	3.055.500.000

- Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH điều chỉnh năm 2020	TH năm 2020
1	TV HĐQT	01	337.654.817	364.500.000
2	TB kiểm soát	01	466.880.734	504.000.000
	Tổng cộng	02	804.535.550	868.500.000

Hình thức chi: Vimico chi trả trực tiếp.

- Thù lao của TV HĐQT, Trưởng ban KS không chuyên trách chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Mức lương của Chủ tịch HĐQT lấy bằng mức tiền lương thực hiện của TGD)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2020	TH năm 2020
1	CT HĐQT	01	74.400.000	108.000.000
2	TV HĐQT	03	194.400.000	291.600.000
3	TV kiểm soát	02	120.000.000	180.000.000
	Cộng	06	388.800.000	579.600.000

Hình thức chi:

+ Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

+ VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Năm 2020, Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty, đã có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế lành mạnh, tạo nên sự hài hòa của một loạt các mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan, từ đó tạo nên định hướng và sự kiểm soát Tổng công ty. Thúc đẩy hoạt động và tăng cường khả năng tiếp cận của Tổng công ty với các nguồn vốn bên ngoài, góp phần tích cực vào việc tăng cường giá trị Tổng công ty, giảm thiểu rủi ro, tăng cường đầu tư và phát triển bền vững cho Tổng công ty. Thực hiện tốt các quy định: Trách nhiệm của HĐQT và Ban Kiểm soát; công khai và minh bạch thông tin; quyền lợi giữa người quản lý, hội đồng quản trị và cổ đông khác; vai trò của các tổ chức kiểm toán độc lập; chính sách đãi ngộ với các nhà quản lý; việc thực thi các điều khoản luật và hợp đồng...

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Báo cáo Tài chính năm 2020 của Tổng công ty đã được công bố thông tin theo quy định.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên năm 2020 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Tuệ